

Bản án số: 82/2026/HNGĐ-PT

Ngày 07-5-2026

V/v Ly hôn, tranh chấp
người trực tiếp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Tùng Lâm,
Bà Quách Thanh Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Nguyễn Thị Tô Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 37/2026/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp người trực tiếp nuôi con”.

Do Bản án sơ thẩm số 1372/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực H, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2342/2026/QĐ-PT ngày 08 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1989; Căn cước công dân số 035189002623. (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà E Đường H, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Ông Vũ Đức Y, sinh năm 1983; Căn cước công dân số 030083027133. (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà B Đường H, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Do có kháng cáo của bị đơn ông Vũ Đức Y.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/9/2024 và lời trình bày của bà Lê Thị Thu H: Bà và ông Vũ Đức Y tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2013 ngày 16/9/2013. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc do không hòa hợp về tính tình, cách sống và suy nghĩ. Tháng 6 năm 2024 vợ chồng không thống nhất trong việc làm và các công việc gia đình nên xảy ra mâu thuẫn, trong lúc cãi vã ông Y đã có hành vi bạo lực với bà. Bà không chấp nhận thái độ, hành động của ông Y nên đã đưa con trở về nhà mẹ sinh

sống. Từ đó đến nay hai bên có trao đổi giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả, tình trạng xung đột không khắc phục được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông **Vũ Đức Y**.

Con chung: Có một con tên **Vũ Lê Hoàng B**, sinh ngày 27/01/2015, bà yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông **Y** cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Ông **Vũ Đức Y** trình bày: Cuộc sống chung của vợ chồng ông bình thường, thỉnh thoảng có xảy ra một vài mâu thuẫn do tính cách bà **H** hay giận dỗi. Trong thời gian dịch bệnh covid-19, ông làm ăn thua lỗ, áp lực về kinh tế nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Bà **H** thiếu tôn trọng ông, tỏ rõ thái độ xem thường ông khi thường so sánh ông với người khác, những lúc mâu thuẫn xúc phạm ông và gia đình ông. Bản thân ông đã cố gắng tìm việc làm để có thu nhập lo cho cuộc sống gia đình nhưng bà **H** không hợp tác. Năm 2024 do vợ chồng không thống nhất về việc giải quyết công việc gia đình, bà **H** có lời lẽ không phù hợp trong lúc ông đang nóng giận nên ông có đánh bà **H**. Vì vậy vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Do vợ chồng không còn gắn bó tình cảm, trách nhiệm đối với nhau nên ông đồng ý ly hôn với bà **Lê Thị Thu H**.

Về con chung: Đúng như bà **H** trình bày, mặc dù trong thời gian ly thân bà **H** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con nhưng khi ly hôn ông yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Ông không yêu cầu bà **H** cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại Bản án sơ thẩm số 1372/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực H, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Lê Thị Thu H** và ông **Vũ Đức Y**;

Bà **Lê Thị Thu H** và ông **Vũ Đức Y** thuận tình ly hôn.

2. Con chung: Giao con **Vũ Lê Hoàng B**, sinh ngày 27/01/2015 cho bà **Lê Thị Thu H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông **Vũ Đức Y** được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà **Lê Thị Thu H** phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0041919 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực H - Thành phố Hồ Chí Minh), đã nộp đủ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 25/12/2025, ông **Vũ Đức Y** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

*Nguyên đơn bà **Lê Thị Thu H** trình bày:* Bà có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng là 30 triệu đồng; bà và con ở nhà bà ngoại và có bà ngoại hỗ trợ đưa đón, chăm sóc con. Bà không đồng ý giao con cho ông **Vũ Đức Y** vì ông **Y** không đảm bảo khả năng nuôi con, ông **Y** hay tập trung vào điện thoại nên thường xuyên quên đón con, khi đón con thì cũng đưa về nhà ngoại. Nguyên vọng của con là ở với mẹ.

*Bị đơn ông **Vũ Đức Y** trình bày:* Ông giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị giao con cho ông, và ông không yêu cầu bà **Lê Thị Thu H** cấp dưỡng nuôi con. Ông không đồng ý giao con cho bà **H** vì bà **H** khó khăn về tài chính, công việc của bà **H** phải đi sớm về muộn, ông bà ngoại đã lớn tuổi. Trong khi thời gian làm việc của ông tự do, ông có điều kiện về tài chính tốt hơn bà **H** nên ông đủ khả năng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu trình bày ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/12/2025, Tòa án nhân dân Khu vực H, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Ngày 25/12/2025, ông **Vũ Đức Y** kháng cáo bản án sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì còn trong thời hạn kháng cáo nên chấp nhận về mặt hình thức.

Về nội dung: Ông **Vũ Đức Y** kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, giao con chung là trẻ **Vũ Lê Hoàng B**, sinh ngày 27/01/2015 cho ông **Y** trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu bà **Lê Thị Thu H** cấp dưỡng. Ông **Y** cho rằng bà **H** đi sớm về muộn, ông bà ngoại lớn tuổi, tuy nhiên ông **Y** không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Hồ sơ vụ án thể hiện từ khi ông **Y** và bà **H** ly thân đến nay thì trẻ **B** đang sống ổn định với mẹ, có nguyện vọng được sống với mẹ, phù hợp với thực tế chăm sóc con chung hiện nay. Trong khi đó, ông **Y** chỉ trình bày một phía, không chứng minh được khả năng nuôi con tốt hơn bà **H**, hay cần thiết phải thay đổi quyền nuôi con của bà **H**. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông **Vũ Đức Y**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

1/ Về tố tụng:

Ngày 25/12/2025, Tòa án nhân dân Khu vực H, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Ngày 25/12/2025, ông **Vũ Đức Y** kháng cáo bản án sơ thẩm và đã tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ vào khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đơn kháng cáo của ông **Vũ Đức Y** trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét.

2/ Về nội dung:

Ông **Vũ Đức Y** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu được nuôi con chung là trẻ **Vũ Lê Hoàng B**, sinh ngày 27/01/2015, và không yêu cầu bà **Lê Thị Thu H** phải cấp dưỡng cho con chung.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy trẻ **Vũ Lê Hoàng B**, sinh ngày 27/01/2015 có lời khai trình bày nguyện vọng mong muốn được sống cùng mẹ. Điều kiện của bà **Lê Thị Thu H** đảm bảo về chỗ ở cũng như thu nhập ổn định, nên cần tiếp tục giao con chung cho bà **Lê Thị Thu H** trực tiếp nuôi dưỡng, và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung đối với ông **Vũ Đức Y** do bà **Lê Thị Thu H** không có yêu cầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **Vũ Đức Y**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo và kháng nghị, nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Giữ nguyên như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo, nên ông **Vũ Đức Y** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **Vũ Đức Y**;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Lê Thị Thu H** và ông **Vũ Đức Y**;

Bà **Lê Thị Thu H** và ông **Vũ Đức Y** thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà **Lê Thị Thu H** và ông **Vũ Đức Y** chấm dứt, Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2013 ngày

16/9/2013 do Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận cấp không còn giá trị kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là trẻ Vũ Lê Hoàng B, sinh ngày 27/01/2015 cho bà Lê Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung đối với ông Vũ Đức Y do bà Lê Thị Thu H không có yêu cầu.

Ông Vũ Đức Y được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Thu H và ông Vũ Đức Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thị Thu H và ông Vũ Đức Y xác nhận không có.

5. Về án phí:

5.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0041919 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực H - Thành phố Hồ Chí Minh), bà Lê Thị Thu H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Đức Y phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001059 ngày 06/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H, ông Vũ Đức Y đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA